

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 195/2026/DS-ST
Ngày: 17-7-2026
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Phương Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Chí

Ông Nguyễn Thanh An

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Nguyễn Thảo Ly, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Hoa, Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 590/2026/TLST-DS ngày 02 tháng 6 năm 2026 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 219/2026/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Võ Thành L, sinh năm 1969, địa chỉ: Ấp T, xã M, tỉnh Tây Ninh.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1956, địa chỉ: Ấp T, xã M, tỉnh Tây Ninh.

(Ông L, bà T xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Võ Thành L trình bày:

Trước năm 2019 ông Võ Thành L có cho bà Nguyễn Thị T vay tiền nhiều lần. Sau đó đến ngày 15/5/2019 thì ông L có viết Biên nhận xác định số tiền bà T vay đến thời điểm lập biên nhận là 27.000.000 đồng. Cuối biên nhận thì bà T có ký và viết họ tên. Thời gian vay theo thỏa thuận tính từ ngày lập biên nhận là 03 năm là từ ngày 15/5/2019 và lãi suất thỏa thuận 3%/tháng nhưng không viết vào Biên nhận.

Kể từ ngày 15/5/2019 đến nay thì bà T không có trả tiền lãi cho ông L và khi hết thời hạn vay bà T cũng không trả lại tiền vốn, mặc dù ông L đã nhắc nhở nhiều lần. Việc yêu cầu trả tiền lãi thì ông L thực hiện bằng hình thức đến nhà yêu cầu. Nay bà T đồng ý trả cho ông L số tiền vốn gốc là 27.000.000 đồng nên ông L đồng ý và rút yêu cầu trả tiền lãi. Số tiền cho vay là tiền riêng của ông L, không phải tiền chung của vợ chồng nên ông L chỉ yêu cầu bà T trả số tiền trên.

Quá trình giải quyết, bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày tại bản tự khai ngày 02/7/2026 như sau:

Bà T thừa nhận có vay 27.000.000 đồng, nay ông L khởi kiện thì bà T đồng ý trả tiền gốc, không đồng ý trả lãi do ông L không báo trước để bà T chuẩn bị tiền trả. Bà T xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết của Tòa án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Bị đơn bà T đồng ý trả số tiền vốn vay và ông L đồng ý nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Đối với số tiền lãi ông L rút yêu cầu nên đề nghị đình chỉ xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào nơi cư trú và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7, tỉnh Tây Ninh và quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Khoản 3 Điều 26; các Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào lời khai nhận của bà T tại bản tự khai ngày 02/7/2026 và Biên nhận ngày 15/5/2019, có cơ sở xác định bà Nguyễn Thị T và ông Võ Thành L có xác lập hợp đồng vay tài sản với số tiền vay là 27.000.000 đồng. Nguyên đơn ông L xác định hợp đồng vay có thời hạn 03 năm và có lãi tuy

nhiên bà T không thừa nhận, ông L cũng không có chứng cứ nào khác xác định nội dung trình bày về thời hạn vay và lãi suất. Do đó, Hội đồng xét xử xác định hợp đồng vay giữa các bên là hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi.

Quá trình giải quyết, ông L đòi lại tài sản nhưng không chứng minh được đã báo trước cho bà T một thời gian hợp lý. Tuy nhiên, bà T vẫn đồng ý trả lại số tiền vốn vay là 27.000.000 đồng và ông L đồng ý nên ghi nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận giữa ông Võ Thành L và bà Nguyễn Thị T, buộc bà Nguyễn Thị T phải trả cho ông L số tiền là 27.000.000 đồng.

Đối với số tiền lãi theo đơn khởi kiện thì ông L rút yêu cầu nên đình chỉ xét xử.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn án phí. H lại cho ông Võ Thành L tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.620.000 đồng theo biên lai thu số 12250 ngày 02/6/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 277, 228, 244 Bộ tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, 466, 469, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạm vi phạm.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Ghi nhận sự thỏa thuận giữa ông Võ Thành L với bà Nguyễn Thị T về việc trả số tiền vay còn nợ.

Buộc bà Nguyễn Thị T trả cho ông Võ Thành L số tiền vốn vay còn nợ là 27.000.000 đồng theo Biên nhận ngày 15/5/2019 giữa bà Nguyễn Thị T và ông Võ Thành L.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015

2. Đình chỉ đối với yêu cầu của ông Võ Thành L về việc trả số tiền lãi.
3. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T được miễn án phí. H lại cho ông Võ Thành L tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.620.000 đồng theo biên lai thu số 12250 ngày 02/6/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.
4. Án sơ thẩm, ông L và bà T vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án niêm yết hợp lệ.
5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 7, Tây Ninh;
- Phòng THADS khu vực 7, Tây Ninh;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Phương Thảo